

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về kiểm định và kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật
bảo vệ bí mật nhà nước**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung
một số điều bởi Luật số 21/2023/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kiểm định và kiểm tra an ninh
thiết bị kỹ thuật bảo vệ bí mật nhà nước.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về danh mục thiết bị kỹ thuật bắt buộc kiểm định, kiểm tra an ninh liên quan đến bí mật nhà nước; nguyên tắc, thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung, quy trình, quản lý hoạt động kiểm định an ninh, hoạt động kiểm tra an ninh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm định an ninh, hoạt động kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật liên quan đến bí mật nhà nước.

2. Nghị định này không điều chỉnh hoạt động kiểm định, kiểm tra sản phẩm mật mã và các thiết bị điện tử, tin học dùng để cài đặt chương trình phần mềm mật mã; hoạt động kiểm định, kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật theo Nghị định này không thay thế hoạt động kiểm tra an ninh mạng được điều chỉnh tại Luật An ninh mạng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật bắt buộc phải kiểm định, kiểm tra an ninh; đơn vị kiểm định an ninh, đơn vị kiểm tra an ninh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định, hoạt động kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thiết bị kỹ thuật bắt buộc phải kiểm định, kiểm tra an ninh (sau đây gọi là đối tượng kiểm định, đối tượng kiểm tra) là thiết bị thuộc danh mục thiết bị kỹ thuật bắt buộc phải kiểm định, kiểm tra an ninh quy định tại Nghị định này được cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng có liên quan đến bí mật nhà nước.

2. An ninh thiết bị kỹ thuật là trạng thái hoạt động bình thường, ổn định của thiết bị kỹ thuật; bảo đảm không bị lợi dụng để thực hiện hành vi gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

3. Kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật (sau đây gọi là kiểm định an ninh) là hoạt động kỹ thuật theo một quy trình nhất định để đánh giá và xác nhận mức độ đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng.

4. Kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật (sau đây gọi là kiểm tra an ninh) là hoạt động kỹ thuật theo một quy trình nhất định để đánh giá mức độ bảo đảm an ninh của thiết bị kỹ thuật; phát hiện, ngăn chặn các dấu hiệu, nguy cơ gây mất an ninh thiết bị kỹ thuật trong quá trình quản lý, sử dụng.

5. Tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật là cơ sở để đánh giá thiết bị trong hoạt động kiểm định an ninh, hoạt động kiểm tra an ninh.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh

1. Tuân thủ pháp luật, khách quan, kịp thời, chính xác.

2. Bảo đảm sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức sử dụng đối tượng kiểm định, đối tượng kiểm tra.

Điều 5. Đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo thẩm quyền giao đơn vị có đủ năng lực, điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và các điều kiện cần thiết thực hiện hoạt động kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh theo quy định tại Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý về an ninh, trật tự thực hiện hoạt động kiểm tra an ninh tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an (trừ lĩnh vực do Bộ Quốc phòng quản lý).

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng công bố đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố đơn vị kiểm tra được giao thực hiện hoạt động kiểm tra an ninh tại địa phương.

Điều 6. Danh mục thiết bị kỹ thuật bắt buộc phải kiểm định, kiểm tra an ninh và tiêu chí về an ninh thiết bị kỹ thuật

1. Danh mục thiết bị kỹ thuật bắt buộc phải kiểm định, kiểm tra an ninh được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Ngoài danh mục thiết bị kỹ thuật quy định tại Phụ lục I, Bộ Quốc phòng xây dựng, ban hành danh mục thiết bị kỹ thuật bắt buộc phải kiểm định, kiểm tra an ninh thuộc lĩnh vực quốc phòng.

2. Bộ Công an xây dựng, ban hành bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật làm căn cứ thực hiện hoạt động kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh phù hợp với yêu cầu quản lý, điều kiện kỹ thuật, công nghệ của thiết bị kỹ thuật. Ngoài bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật này, Bộ Quốc phòng xây dựng, ban hành bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật phù hợp với yêu cầu quản lý, điều kiện kỹ thuật, công nghệ của thiết bị kỹ thuật trong phạm vi, lĩnh vực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 7. Yêu cầu đối với thiết bị kỹ thuật đưa vào kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh

1. Thiết bị đưa vào kiểm định phải bảo đảm nguyên trạng của nhà sản xuất; thiết bị đưa vào kiểm tra phải đang hoạt động bình thường, ổn định.

2. Đối với việc kiểm định, thiết bị nhập khẩu phải có đủ các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of origin - CO), Chứng nhận chất lượng (Certificate of quality - CQ).

3. Tài liệu kỹ thuật và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

4. Ngoài các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định yêu cầu đối với thiết bị đưa vào kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh trong phạm vi, lĩnh vực quản lý.

Điều 8. Thời gian kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh

1. Kiểm định an ninh thực hiện đối với đối tượng kiểm định trước khi đưa vào sử dụng. Đối với đối tượng kiểm định do cơ quan có thẩm quyền cấp đã được kiểm định an ninh thì không phải thực hiện quy trình kiểm định theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Kiểm tra an ninh thực hiện định kỳ 03 năm/01 lần tính từ thời điểm thiết bị được dán tem kiểm định hoặc tem kiểm tra gần nhất.

3. Kiểm tra an ninh bất thường thực hiện đối với đối tượng kiểm tra sau khi khắc phục xong sự cố; sau khi nâng cấp, cài đặt bổ sung, thay thế phần cứng, phần mềm; khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng đối tượng kiểm tra.

4. Đối với thiết bị kỹ thuật thuộc danh mục do Bộ Quốc phòng ban hành quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thời gian kiểm tra.

Chương II

KIỂM ĐỊNH AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Điều 9. Hồ sơ đề nghị kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật

1. Phiếu đề nghị kiểm định an ninh thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ thiết bị gồm: các tài liệu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật

1. Cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật thuộc đối tượng kiểm định (sau đây gọi là Bên đề nghị kiểm định) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm định an ninh theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đến đơn vị kiểm định theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

2. Đơn vị kiểm định tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì đơn vị kiểm định thông báo về việc bàn giao đối tượng kiểm định, trong đó nêu cụ thể thời gian, địa điểm bàn giao đối tượng kiểm định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì đơn vị kiểm định yêu cầu Bên đề nghị kiểm định bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Bên đề nghị kiểm định bàn giao đối tượng kiểm định cho đơn vị kiểm định theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này cho đơn vị kiểm định.

Căn cứ số lượng, chủng loại, cấu hình của thiết bị kỹ thuật, đơn vị kiểm định trao đổi, thống nhất với Bên đề nghị kiểm định về thời gian, thời hạn hoàn thành, địa điểm và các vấn đề liên quan đến kiểm định, nhưng thời hạn hoàn thành không quá 05 ngày làm việc đối với mỗi 10 thiết bị cùng chủng loại, cùng cấu hình kỹ thuật; không quá 07 ngày làm việc đối với mỗi 10 thiết bị thuộc nhiều chủng loại, cấu hình kỹ thuật. Trường hợp số lượng thiết bị lớn hoặc tính chất phức tạp cần nhiều thời gian hơn, đơn vị kiểm định phải có thông báo bằng văn bản gửi Bên đề nghị kiểm định và nêu rõ lý do kéo dài thời gian.

Thời gian giải quyết thủ tục được tính từ thời điểm: hồ sơ đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ; hoàn thành việc bàn giao đối tượng kiểm định; thống nhất thời gian, thời hạn hoàn thành, địa điểm và các vấn đề liên quan đến kiểm định được thể hiện trên Phiếu tiếp nhận, hẹn trả kết quả kiểm định quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Đơn vị kiểm định tiến hành kiểm định theo quy trình quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và lập biên bản kiểm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này:

a) Trường hợp đối tượng kiểm định bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật thì đơn vị kiểm định tiến hành dán tem kiểm định lên đối tượng kiểm định theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp đối tượng kiểm định không bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật thì đơn vị kiểm định không dán tem; yêu cầu Bên đề nghị kiểm định không bố trí sử dụng thiết bị này tại các bộ phận thiết yếu, cơ mật, nơi lưu giữ bí mật nhà nước được thể hiện tại Biên bản kiểm định.

5. Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm định, đơn vị kiểm định tiến hành bàn giao Biên bản kiểm định và đối tượng kiểm định cho Bên đề nghị kiểm định.

6. Đơn vị kiểm định và Bên đề nghị kiểm định lưu hồ sơ kiểm định an ninh gồm các tài liệu được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nội dung kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật

Kiểm định an ninh thực hiện với phần cứng, phần mềm của đối tượng kiểm định. Nội dung kiểm định an ninh đối với mỗi đối tượng kiểm định được quy định tại bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng xây dựng, ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Chương III KIỂM TRA AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Điều 12. Hồ sơ đề nghị kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật

1. Phiếu đề nghị kiểm tra an ninh thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Các tài liệu liên quan đến quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật (nếu có).

Điều 13. Trình tự, thủ tục kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật

1. Căn cứ thông báo của đơn vị kiểm tra theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này trước thời hạn kiểm tra định kỳ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này ít nhất 30 ngày, cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật thuộc đối tượng kiểm tra (sau đây gọi là Bên đề nghị kiểm tra) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra an ninh theo quy định tại Điều 12 Nghị định này đến đơn vị kiểm tra theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

2. Đơn vị kiểm tra tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì căn cứ số lượng, chủng loại, cấu hình của thiết bị kỹ thuật, đơn vị kiểm tra trao đổi, thống nhất với Bên đề nghị kiểm tra về thời gian, thời hạn hoàn thành (nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu kiểm tra), địa điểm, các vấn đề liên quan đến kiểm tra và ghi nhận tại biên bản làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì đơn vị kiểm tra yêu cầu Bên đề nghị kiểm tra bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Đơn vị kiểm tra tiến hành kiểm tra theo quy trình quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và lập biên bản kiểm tra theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này:

a) Trường hợp đối tượng kiểm tra bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật thì đơn vị kiểm tra tiến hành dán tem kiểm tra theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp đối tượng kiểm tra không bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật thì đơn vị kiểm tra không dán tem và lý do được thể hiện tại Biên bản kiểm tra;

c) Trường hợp phát hiện nguy cơ mất an ninh hoặc dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật thì đơn vị kiểm tra kiến nghị các biện pháp xử lý, khắc phục và được thể hiện tại Biên bản kiểm tra.

4. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đơn vị kiểm tra gửi thông báo kết quả kiểm tra an ninh cho Bên đề nghị kiểm tra theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trường hợp kiểm tra an ninh bất thường sau khi khắc phục xong sự cố; sau khi nâng cấp, cài đặt bổ sung, thay thế phần cứng, phần mềm hoặc theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng đối tượng kiểm tra thì Bên đề nghị kiểm tra phải gửi Phiếu đề nghị kiểm tra theo quy định tại Điều 12 Nghị định này đến đơn vị kiểm tra để thực hiện kiểm tra theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

6. Trường hợp kiểm tra an ninh bất thường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị kiểm tra gửi văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật thuộc đối tượng kiểm tra an ninh để thực hiện kiểm tra theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

7. Đơn vị kiểm tra và Bên đề nghị kiểm tra lưu hồ sơ kiểm tra an ninh gồm các tài liệu được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Nội dung kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật

1. Kiểm tra an ninh thực hiện với phần cứng, phần mềm của đối tượng kiểm tra. Nội dung kiểm tra an ninh đối với mỗi đối tượng kiểm tra được quy định tại bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.
2. Đánh giá mức độ bảo đảm an ninh trong việc quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH, ĐƠN VỊ KIỂM TRA VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra

1. Thực hiện kiểm định an ninh theo quy định tại Chương II, kiểm tra an ninh theo quy định tại Chương III Nghị định này; chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản, tính toàn vẹn của dữ liệu trong thiết bị, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thông tin cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân trong quá trình kiểm định và kiểm tra an ninh; hướng dẫn đơn vị chủ quản triển khai biện pháp khắc phục hoặc kiến nghị thay thế thiết bị, phần mềm tương ứng trong trường hợp thiết bị kỹ thuật sau khi kiểm định, kiểm tra không bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật.
2. Xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí gửi Bộ Tài chính đề trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động kiểm định và kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật.
3. Phối hợp với các cơ quan liên quan phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng đối tượng kiểm định, đối tượng kiểm tra thực hiện Nghị định này.
4. Hằng năm, đơn vị kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật thuộc đối tượng kiểm tra để rà soát các thiết bị đã đến thời hạn kiểm tra định kỳ và thực hiện đề nghị kiểm tra theo quy định của Nghị định này.
5. Đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật liên quan đến bí mật nhà nước

1. Hằng năm, theo thông báo của đơn vị kiểm tra, tiến hành rà soát các thiết bị đã đến thời hạn kiểm tra định kỳ và tiến hành thủ tục kiểm tra theo quy định tại Điều 13 Nghị định này; chủ động đề nghị kiểm tra bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này (trừ trường hợp kiểm tra bất thường khi

có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền); tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra thực hiện hoạt động kiểm định, kiểm tra an ninh; cung cấp đầy đủ, trung thực hồ sơ kỹ thuật, tài liệu liên quan đến thiết bị kỹ thuật cho đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra.

2. Không sử dụng các thiết bị kỹ thuật có kết quả kiểm định, kiểm tra không bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật tại các bộ phận thiết yếu, cơ mật, nơi lưu giữ bí mật nhà nước; triển khai biện pháp khắc phục hoặc phương án thay thế thiết bị, linh kiện, phần mềm tương ứng và thực hiện các kiến nghị khác của đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra trong việc sử dụng các đối tượng kiểm định, kiểm tra.

3. Lưu hồ sơ kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh của đối tượng kiểm định, đối tượng kiểm tra theo quy định.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bộ Công an

a) Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kiểm định và kiểm tra an ninh; quy định cơ quan quản lý, chuyên trách thực hiện kiểm định và kiểm tra an ninh; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện các quy định về kiểm định và kiểm tra an ninh, trừ phạm vi, lĩnh vực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý;

b) Ban hành bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật; căn cứ tình hình thực tế, bổ sung, cập nhật bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự;

c) Kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục thiết bị kỹ thuật bắt buộc kiểm định, kiểm tra an ninh phù hợp với thực tế phát triển của khoa học công nghệ, chính sách và yêu cầu quản lý thiết bị kỹ thuật nhằm bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật;

d) Tổ chức kiểm định và kiểm tra an ninh theo quy định tại Nghị định này; chủ động phát hiện, phối hợp xử lý, ngăn ngừa nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin, lộ, mất bí mật nhà nước; phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước liên quan đến quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật;

đ) Bảo đảm cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động của đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra; xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác kiểm định và kiểm tra an ninh trên phạm vi cả nước; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định, kiểm tra an ninh; tổng hợp, báo cáo Chính phủ kết quả hoạt động kiểm định và kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật;

e) Tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về kiểm định, kiểm tra an ninh; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến kiểm định và kiểm tra an ninh theo quy định của pháp luật.

g) Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, chế độ quản lý dữ liệu, biểu mẫu và chế độ thông tin, báo cáo đối với hoạt động kiểm tra an ninh tại địa phương; trường hợp cần thiết trực tiếp tổ chức kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật tại địa phương.

2. Bộ Quốc phòng

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về kiểm định và kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý; quy định về danh mục thiết bị kỹ thuật bắt buộc kiểm định, kiểm tra an ninh; về bộ tiêu chí an ninh thiết bị kỹ thuật; về cơ quan quản lý, chuyên trách thực hiện kiểm định và kiểm tra an ninh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định về kiểm định và kiểm tra an ninh trong phạm vi, lĩnh vực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý;

b) Ban hành văn bản quy định về kiểm định và kiểm tra an ninh phù hợp với thực tế phát triển của khoa học công nghệ, chính sách và yêu cầu quản lý thiết bị kỹ thuật nhằm bảo đảm an ninh thiết bị kỹ thuật trong phạm vi, lĩnh vực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý;

c) Tổ chức kiểm định, kiểm tra an ninh tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý; chủ động phát hiện, phối hợp xử lý, ngăn ngừa nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin, lộ, mất bí mật nhà nước; phát hiện, xử lý vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước liên quan đến quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật trong phạm vi, lĩnh vực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý;

d) Bảo đảm cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động của đơn vị kiểm định, đơn vị kiểm tra; xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác kiểm định và kiểm tra an ninh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định, kiểm tra trong phạm vi, lĩnh vực quốc phòng; tổng hợp, báo cáo Chính phủ tình hình triển khai công tác kiểm định, kiểm tra an ninh trong phạm vi, lĩnh vực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý;

đ) Tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về kiểm định và kiểm tra an ninh; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến kiểm định, kiểm tra an ninh theo quy định của pháp luật trong phạm vi, lĩnh vực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

3. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước cho hoạt động kiểm định, hoạt động kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc chấp hành các quy định về kiểm định và kiểm tra an ninh theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với Bộ Công an quản lý hoạt động kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh trong phạm vi lĩnh vực và địa bàn quản lý; kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến kiểm định và kiểm tra an ninh theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra an ninh tại địa phương theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Công an.

Điều 18. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật liên quan đến bí mật nhà nước

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm định và kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật.

2. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước; phòng ngừa, phát hiện, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật.

3. Định kỳ hoặc đột xuất đề nghị đơn vị kiểm tra tiến hành kiểm tra thiết bị kỹ thuật đang quản lý, sử dụng theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Kinh phí bảo đảm hoạt động kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật

Kinh phí hoạt động kiểm định an ninh, kiểm tra an ninh do ngân sách nhà nước bảo đảm. Việc bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2027.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Thiết bị kỹ thuật đã đưa vào sử dụng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì không cần kiểm định an ninh, chỉ áp dụng quy định kiểm tra an ninh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định này. Việc kiểm tra định kỳ trong trường hợp này được tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

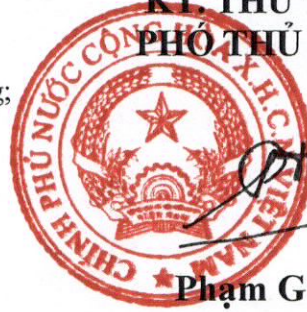
Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NC (02).

14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

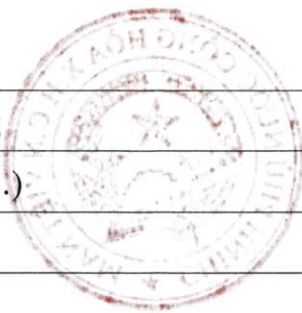


Phạm Gia Túc
Phạm Gia Túc



Phụ lục I
ĐANH MỤC THIẾT BỊ KỸ THUẬT
BẮT BUỘC KIỂM ĐỊNH, KIỂM TRA AN NINH
(Kèm theo Nghị định số 315/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Tên thiết bị	
I	Nhóm thiết bị máy tính, thiết bị ngoại vi	
	A	Máy xử lý dữ liệu tự động; máy tính
	01	Máy tính nhỏ cầm tay bao gồm máy tính mini và sổ ghi chép điện tử kết hợp máy tính (PDAs)
	02	Máy tính để bàn (Desktop), máy chủ (Server)
	03	Máy tính xách tay (Laptop)
	04	Máy tính bảng (Tablet)
	B	Các thiết bị sao, in (Máy in, máy photocopy, máy fax và các thiết bị cùng chức năng)
	01	Máy in
	02	Máy photocopy đơn và đa chức năng (Đen trắng hoặc màu)
	03	Máy fax
	04	Máy quét (Scanner), máy đọc ký tự quang học
	05	Máy phơi bản tự động
	06	Máy ghi bản in CTP
	C	Các thiết bị hiển thị dữ liệu, bộ lưu trữ
	01	Ổ đĩa mềm, ổ đĩa quang (CD-ROM, DVD, CD...)
	02	Các thiết bị lưu trữ ngoài (SD Card, USB, SSD, HDD, SAN switch, Storage,...)
	03	Thiết bị hiển thị (Màn hình, tivi LCD, LED, OLED...)
	D	Các thiết bị ngoại vi
	01	Bàn phím máy tính
	02	Chuột máy tính (có dây hoặc không dây)



		03	Card âm thanh, Card hình ảnh, Card mạng
		04	USB to LAN (Ethernet, Wifi, Bluetooth,...)
II	Nhóm thiết bị điện tử nghe, nhìn		
		01	Thiết bị khuếch đại âm tần, tăng âm điện
		02	Thiết bị ghi và tái tạo âm thanh (Audio)
		03	Thiết bị ghi và tái tạo hình ảnh (Video)
		04	Thiết bị truyền hình trực tuyến
		05	Thiết bị truyền hình cáp
		06	Máy quay phim số, chụp hình số
		07	Máy thu sóng vô tuyến (Radio)
		08	Máy chiếu (Projector)
		09	Camera (Analog/Digital)
		10	Đầu ghi hình (Analog/Digital)
		11	Micro (có dây hoặc không dây)
		12	Loa (có dây hoặc không dây)
III	Nhóm thiết bị thông tin và truyền thông		
	A	Thiết bị thông tin, vô tuyến và viễn thông	
		01	Tổng đài
		02	Thiết bị truyền dẫn
		03	Thiết bị thu, phát sóng vô tuyến
		04	Thiết bị radar
		05	Thiết bị viba
		06	Thiết bị trạm gốc
		07	Thiết bị chuyển mạch, chuyển đổi tín hiệu
		08	Thiết bị khuếch đại công suất
		09	Thiết bị bộ đàm

		10	Thiết bị thu, phát sóng vệ tinh
	B	Các thiết bị mạng và truyền dẫn dữ liệu	
		01	Bộ định tuyến (Router)
		02	Bộ chuyển mạch (Switch)
		03	Bộ chia mạng (Hub)
		04	Bộ lặp (Repeater)
		05	Điểm truy nhập (Access Point hoặc Access Switch)
		06	Thiết bị đầu cuối (Modem, ADSL, xDSL...),
		07	Thiết bị tường lửa và bảo mật mạng
		08	Thiết bị chuyển đổi quang điện, Modul quang
	C	Điện thoại, kể cả điện thoại di động hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác	
		01	Điện thoại di động
		02	Điện thoại hữu tuyến
		03	Điện thoại di động vệ tinh
		04	Điện thoại thuê bao kéo dài
		05	Điện thoại sử dụng giao thức Internet
IV	Thiết bị không người lái		
		01	Thiết bị bay không người lái
		02	Thiết bị di chuyển trên mặt đất không người lái
		03	Thiết bị di chuyển trên mặt nước không người lái
		04	Thiết bị lặn dưới nước không người lái

Phụ lục II
BIỂU MẪU TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH VÀ KIỂM TRA AN NINH
THIẾT BỊ KỸ THUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số 315/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phiếu đề nghị kiểm định/kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật
Mẫu số 02	Biên bản giao nhận
Mẫu số 03	Phiếu tiếp nhận, hẹn trả kết quả kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật
Mẫu số 04	Biên bản kiểm định/kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật
Mẫu số 05	Tem kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật
Mẫu số 06	Tem kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật
Mẫu số 07	Thông báo kết quả kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng ... năm

PHIẾU ĐỀ NGHỊ
KIỂM ĐỊNH/KIỂM TRA AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Số:

Kính gửi:(Tên đơn vị kiểm định/kiểm tra).....

Địa chỉ:(Địa chỉ đơn vị kiểm định/kiểm tra)

Điện thoại: Fax:

Email:

Đơn vị đề nghị:(Tên đơn vị đề nghị kiểm định/kiểm tra)

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:

Người liên hệ: Chức vụ:

Điện thoại:

Đăng ký kiểm định/kiểm tra an ninh thiết bị sau:

Số TT	Tên thiết bị, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Thời gian kiểm định ⁽²⁾	Thời gian kiểm tra ⁽³⁾	Địa điểm kiểm định/kiểm tra
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao sau đây:

1. Danh mục thiết bị (Packing list) số (*):
2. Giấy chứng nhận xuất xứ C/O số (*):
3. Giấy chứng nhận chất lượng C/Q số (*):
4. Tài liệu kỹ thuật (*):
5. Tài liệu hướng dẫn sử dụng (*):

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về hồ sơ kèm theo và đảm bảo mọi điều kiện phục vụ hoạt động kiểm định/kiểm tra an ninh thiết bị theo đúng quy định.

....., ngày tháng năm

Tên đơn vị kiểm định/kiểm tra

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

KIỂM ĐỊNH/KIỂM TRA

Tiếp nhận, vào sổ đăng ký số:/ĐK

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên đơn vị đề nghị kiểm định/kiểm tra

^(*) Bắt buộc phải điền đối với hoạt động kiểm định

^(**) Bắt buộc phải điền đối với hoạt động kiểm định và kiểm tra

⁽²⁾ Đối với đề nghị kiểm định: ghi thời gian dự kiến kiểm định; Đối với đề nghị kiểm tra: ghi thời gian đã kiểm định

⁽³⁾ Ghi thời gian dự kiến kiểm tra (chỉ dành cho đề nghị kiểm tra).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, vào hồi.....Ngày.....tháng.....năm..... tại,
 chúng tôi gồm:

Bên giao:

Bên nhận:

Đã tiến hành bàn giao thiết bị gồm:

1. Hồ sơ

-
-
-

2. Thiết bị

Số TT	Tên thiết bị, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Số Serial	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Biên bản đã được 2 bên thống nhất và thực hiện. Biên bản được sao thành 02 bản và mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau./.

BÊN GIAO

BÊN NHẬN

(Tên đơn vị kiểm định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ:

Điện thoại:

**PHIẾU TIẾP NHẬN, HẸN TRẢ KẾT QUẢ
KIỂM ĐỊNH AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT**

Ngày tháng năm (..... giờ), (Tên đơn vị kiểm định) đã nhận hồ sơ đề nghị kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật do ông/bà: nộp.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Về việc:

Xin hẹn ông/bà và các bên liên quan (nếu có) có mặt tại địa chỉ

..... tỉnh/thành phố vào hồi giờ,
ngày tháng năm, để nhận kết quả kiểm định an ninh thiết bị kỹ thuật./.

....., ngày....tháng....năm....

NGƯỜI GHI PHIẾU HẸN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH/KIỂM TRA AN NINH
THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Căn cứ Phiếu đề nghị số..... ngày.....tháng.....năm

Của

Hôm nay, ngày tháng năm Vào hồih.....

Tại

Chúng tôi gồm:

I/- Đại diện đơn vị đề nghị kiểm định/kiểm tra:

1.....

2.....

3.....

II/- Đại diện đơn vị tiến hành kiểm định/kiểm tra:

1.....

2.....

3.....

4.....

Đã tiến hành kiểm định/kiểm tra và thống nhất kết luận những vấn đề sau:

1. Nội dung:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Kết quả kiểm định/kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Phương án xử lý:

.....

.....

.....

4. Kết luận:

.....

.....

.....

5. Đề xuất:

.....

.....

.....

Tài sản sau khi kiểm định/kiểm tra được trả lại nguyên trạng và bàn giao đầy đủ cho đơn vị đề nghị. Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH/KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

MẪU TEM KIỂM ĐỊNH AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT

(Lô gô, Tên Đơn vị kiểm định) (4)	KIỂM ĐỊNH AN NINH (1)
	Số (2)
	Ngày tháng kiểm định (3)

Nền tem màu vàng hồng, có lô gô in chìm ở giữa tem (*phù hiệu Bộ Công an, hoặc Bộ Quốc phòng*).

(1): Font chữ Times New Roman in hoa đậm, cỡ chữ 8

(2): Font chữ Times New Roman thường đậm, cỡ chữ 5

(3): Font chữ Times New Roman thường đậm, cỡ chữ 5

(4): Font chữ Times New Roman thường, cỡ chữ 5

Kích thước: chiều dài: 25 mm; chiều rộng: 15 mm

MẪU TEM KIỂM TRA AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT

BỘ CÔNG AN (1) TÊN ĐƠN VỊ KIỂM TRA (2) KIỂM TRA AN NINH (3) Ngày ... tháng .. năm... (4)
--

Nền tem màu xanh dương, có lô gô in chìm ở giữa tem (*phù hiệu Bộ Công an, hoặc Bộ Quốc phòng*)

(1): Font chữ Times New Roman hoa thường, cỡ chữ 5

(2): Font chữ Times New Roman hoa thường, cỡ chữ 5

(3): Font chữ Times New Roman hoa đậm, cỡ chữ 5

(4): Font chữ Times New Roman thường, cỡ chữ 5

Kích thước: chiều dài: 25 mm; chiều rộng: 15 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT
 Số:

Kính gửi:(Tên đơn vị đề nghị kiểm tra).....

Địa chỉ:(Địa chỉ đơn vị đề nghị kiểm tra)

Điện thoại: Fax:

Email:

Căn cứ vào kết quả kiểm tra được thực hiện vào hồih..... ngày tháng năm chúng tôi xin thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin người/đơn vị kiểm tra:

Đơn vị kiểm tra:(Tên đơn vị kiểm tra)

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:

Người kiểm tra: Chức vụ:

Điện thoại:

2. Nội dung kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

.....

3. Kết quả kiểm tra:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Phương án xử lý:

.....

.....

.....

5. Kết luận:

.....

.....

.....

6. Đề xuất:

NGƯỜI LẬP THÔNG BÁO
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phụ lục III
QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH/KIỂM TRA AN NINH THIẾT BỊ KỸ THUẬT
(Kèm theo Nghị định số 315/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

1. Chuẩn bị kiểm định/kiểm tra

a) Xây dựng kế hoạch phù hợp với từng đối tượng kiểm định/kiểm tra an ninh thiết bị kỹ thuật.

b) Thu thập và phân tích các nguy cơ gây mất an ninh, an toàn thông tin đối với phần cứng, phần mềm của từng chủng loại thiết bị kiểm định/kiểm tra:

- Xác định đối tượng;
- Phân loại mức độ yêu cầu;
- Xác định lựa chọn tiêu chí.

c) Bố trí lực lượng, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm hoạt động kiểm định/kiểm tra.

2. Tiến hành kiểm định/kiểm tra

a) Đánh giá mức độ an ninh về phần mềm;

b) Đánh giá mức độ an ninh về mã độc;

c) Đánh giá mức độ an ninh lỗ hổng bảo mật;

d) Đánh giá mức độ an ninh các kết nối vô tuyến;

đ) Đánh giá mức độ an ninh các kết nối hữu tuyến;

e) Đánh giá mức độ an ninh cấu trúc mạch, bảng mạch;

g) Đánh giá mức độ bảo đảm an ninh trong việc quản lý, sử dụng thiết bị kỹ thuật (chỉ dành cho hoạt động kiểm tra):

- Kiểm tra lịch sử kết nối internet, wifi;

- Kiểm tra lịch sử kết nối thiết bị ngoại vi (USB không theo chuẩn Cơ yếu, điện thoại thông minh, thiết bị có tính năng lưu trữ ngoài khác...)/.